

VŨ ANH KHANH

Nguyễn Thị Phương Thủy

TIỂU SỬ

Mặc dù Vũ Anh Khanh được đánh giá là cây bút hàng đầu của nền văn chương tranh đấu miền Nam 1945-1954 nhưng lịch sử văn học Việt Nam không lưu lại nhiều chi tiết về cuộc đời ông và nếu có thì cũng bất nhất và rối rắm. Trần Tuấn Kiệt trong *Thi ca Việt Nam hiện đại (1880-1965)* ghi Vũ Anh Khanh sinh ở Tây Ninh, nhưng theo *Lược sử văn nghệ Việt Nam: Nhà văn miền Nam 1945-1950* của Thế Phong thì Vũ Anh Khanh tên thật là Vũ Văn Khánh sinh 1926 tại Phan Thiết, Bình Thuận. Nhà văn Xuân Vũ, người từng tiếp xúc nhiều với Vũ Anh Khanh trước lần sau khi tập kết ra Bắc, cho rằng ông tên thật là Võ Văn Khanh sinh ở Mũi Né, Bình Thuận trong một gia đình giàu có [1], còn Thảm Thệ Hà, bạn văn rất thân thiết của nhà văn, lại khẳng định tên thật của ông là Nguyễn Năm [2]. Nguyễn Q. Thắng trong *Từ điển tác gia Việt Nam* ghi Vũ Anh Khanh mất năm 1956, nhưng nhà văn Nhuệ Hồng Nguyễn Hữu Thống lại cho rằng ông mất năm 1957 [3]. Như vậy, nhà văn nổi tiếng của miền Nam một thời đã không lưu lại được chính xác những chi tiết cơ bản nhất: tên thật, quê quán và thời điểm qua đời.

Về tên thật, trong tất cả những nguồn tài liệu trên, có lẽ nên tin cậy vào trí nhớ của nhà văn Thảm Thệ Hà, vì ông vốn là bạn văn gắn bó với Vũ Anh Khanh trong những năm nhà văn ở đỉnh cao của văn đàn. Về quê quán, cả Thế Phong, Xuân Vũ và Thảm Thệ Hà đều khẳng định Vũ Anh Khanh sinh ở Mũi Né, quận Hải Long (nay Mũi Né thuộc thành phố Phan Thiết), tỉnh Bình Thuận. Có lẽ Trần Tuấn Kiệt đã nhầm lẫn Tây Ninh, xứ sở của Tha La xóm đạo được miêu tả trong tác phẩm làm nên tên tuổi nhà thơ Vũ Anh Khanh, với quê hương của nhà thơ chăng? Về thời điểm qua đời, theo ký ức của Xuân Vũ thì ông Võ Hồng Cương, Phó Tổng thư ký Hội Liên hiệp Văn học Nghệ Thuật, cũng là Cục phó Cục Tuyên huấn Quân đội Nhân dân Việt Nam những năm sau hiệp định Genève, cho biết Vũ Anh Khanh mất năm 1956 ở sông Bến Hải, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Nhiều tài liệu tổng quát về văn học miền Nam 1945-1954 cũng chép lại như vậy. Thế nhưng nhà văn Nhuệ Hồng lại khẳng định đã gặp Vũ Anh Khanh ở New Delhi, Ấn Độ trong Hội nghị các nhà văn Á châu tổ chức vào dịp giáng sinh năm 1956 [4]. Xuân Vũ cũng thừa nhận Vũ Anh Khanh có tham gia hội nghị này cùng với các nhà văn Nguyễn Công Hoan, Võ Huy Tâm và Phạm Hữu Tùng. Ông còn nhớ rằng khi trở về sau hội nghị, Vũ Anh Khanh có tổ chức một buổi gặp gỡ thân tình với bạn văn miền Nam tập kết. Như vậy, có thể tin rằng Vũ Anh Khanh không mất năm 1956 như nhiều tài liệu vẫn ghi, mà có thể muộn hơn, tức là vào năm 1957.

Vũ Anh Khanh là một nhà văn - nhà thơ - chiến sĩ vô cùng nhiệt thành với con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, tác giả của nhiều tác phẩm giá trị được độc giả miền Nam đương thời say đắm. Không rõ ông rời Bình Thuận vào Sài Gòn từ bao giờ, với mục đích trước tiên là để học tập hay để lập thân nhưng ông được biết đến với tư cách nhà văn từ tác phẩm đầu tay *Cây ná trác* do Tiếng Chuông xuất bản năm 1947, tức là khi ông 21 tuổi. Viết về những người dân quê chân chất, thật thà nhưng hết lòng vì kháng chiến bằng một lời văn vừa mềm mại, vừa sôi nổi, tiểu thuyết này ngay lập tức được công chúng đón nhận, mở đường cho Vũ Anh Khanh bước vào thế giới văn chương tranh đấu. Liên những

năm sau đó, văn nghiệp của ông gặt hái hàng loạt tác phẩm giá trị ở cả truyện ngắn, tiểu thuyết, lẫn thơ ca. Ngay từ những ngày đầu viết văn, Vũ Anh Khanh đã nhanh chóng kết thân với Thẩm Thệ Hà, người anh, người bạn văn chương đã cùng ông cộng tác với các tờ báo Việt Bút, Đại Chúng, Tiếng Chuông. Năm 1949, tờ Việt Bút bị đình bản, hai ông chung nhau mở nhà xuất bản Tân Việt Nam, Thẩm Thệ Hà làm giám đốc, Vũ Anh Khanh làm quản lý. Tân Việt Nam cũng là nơi xuất bản phần lớn những tác phẩm của Vũ Anh Khanh.

Mùa xuân năm 1949, Vũ Anh Khanh theo Thẩm Thệ Hà về đón tết trên quê hương bạn, Trảng Bàng, Tây Ninh. Ngày mồng một tết, hai người bạn cùng nhau đạp xe đến thăm xóm đạo Tha La, cách trung tâm Trảng Bàng khoảng ba cây số. Ngạc nhiên trước khung cảnh tiêu điều của xóm làng giữa ngày tết Nguyên đán, Vũ Anh Khanh hỏi thăm và được biết giáo dân đã từ già giáo đường vào chiến đấu trong vùng giải phóng. Chuyến đi hôm ấy đã khơi nguồn cảm hứng để Vũ Anh Khanh sáng tác bài thơ *Tha La*, sau được in trong tuyển tập *Thơ mùa giải phóng* (1950) do Sống Chung phát hành. Trước đó, một phần bài thơ đã được đưa vào tiểu thuyết *Nửa bờ xương khô* (1949) của chính tác giả với tựa đề là *Hận Tha La*. Bài thơ này nhanh chóng nổi tiếng và về sau lan rộng khắp miền Nam khi được hai nhạc sĩ Dzũng Chinh và Sơn Thảo phổ nhạc với tựa đề lần lượt là *Tha La xóm đạo* và *Hận Tha La*. Có lẽ đây là lý do khiến hầu hết mọi người quên hẳn tên chính thức mà tác giả chọn cho bài thơ chỉ gồm hai chữ *Tha La*.

Năm 1949 là năm sáng tác hăng say nhất của Vũ Anh Khanh khi ông cho xuất bản một tập thơ trường thiên, hai tiểu thuyết và hai tập truyện ngắn, với số lượng phát hành kỷ lục so với các ấn phẩm thời bấy giờ, đưa Vũ Anh Khanh đi sâu vào lòng công chúng và nhanh chóng vươn lên vị trí tiêu biểu của nền văn chương tranh đấu miền Nam giai đoạn này.

Mùa xuân năm 1950, một lần nữa, Vũ Anh Khanh lại theo Thẩm Thệ Hà về thăm Tây Ninh. Trở lại Sài Gòn, ông tiếp tục sáng tác hăng say. Trong năm này, ông cho xuất bản tập II của tiểu thuyết *Nửa bờ xương khô*. Chỉ nửa tháng sau khi sách phát hành, tờ tuần báo *Chiến Đấu* của giáo phái Hoà Hảo đã tấn công, chỉ trích, cho rằng Tân Việt Nam là cơ sở của Việt Minh nằm vùng và yêu cầu nhà cầm quyền tịch thu tác phẩm. Ngay lập tức sách bị thu hồi, nhà xuất bản bị đóng cửa và Vũ Anh Khanh gặp rắc rối với chính quyền, phải rút về vùng giải phóng. Theo lời kể của Thẩm Thệ Hà [5], trước lúc ra đi, Vũ Anh Khanh có gặp gỡ từ biệt ông cùng một người bạn nữa, rồi khảng khái ngâm mấy câu thơ trong *Chiến sĩ hành*, tác phẩm của chính Vũ Anh Khanh xuất bản một năm trước đó, để thể hiện quyết tâm và tráng khí người đi. Ở chiến khu, ông gặp gỡ những bạn bè văn nghệ khác như Rum Bảo Việt, Sơn Nam, Kiên Giang Hà Huy Hà, Việt Ánh, Xuân Vũ... Thế nhưng từ đó ông lại không sáng tác thêm gì nữa, ngoài truyện ngắn *Mắt xanh sớm vẫn làm than bụi đời* đăng trên báo *Xuân Việt Nam* số tết năm 1951 với bút danh Vương Áu Khương.

Sau hiệp định Genève 20/07/1954, cùng với nhiều nhà văn chiến khu miền Nam ngày ấy, Vũ Anh Khanh tập kết ra Bắc. Không có nhiều thông tin về quãng thời gian ông ở miền Bắc, ngoài việc ông thường hay đến nói chuyện với các nhà văn trẻ tập kết như Nguyễn Quang Sáng, Bùi Đức Ái, Xuân Vũ... với tư cách một đàn anh đã có tên tuổi trên

văn đàn phương Nam bấy giờ. Tháng 12/1956, ông được cử làm đại biểu tham dự Hội nghị các nhà văn Á châu ở New Delih, Ấn Độ, với Nguyễn Công Hoan là trưởng đoàn. Không lâu sau đó, ông mất ở sông Bến Hải, Vĩnh Linh, Quảng Trị ở tuổi 30 trong một nỗ lực không thành bơi sang bên kia bờ vĩ tuyến.

Với ba mươi năm tuổi đời ngắn ngủi và chỉ vồn vẹn bốn năm cầm bút (1947-1950), Vũ Anh Khanh kịp lưu lại văn đàn một gia tài văn chương dày dặn với nhiều tác phẩm giá trị có tầm ảnh hưởng sâu rộng, mà theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Sâm là được viết ra bằng một ngòi bút “có chân tài” [6]. Có thể vì lý do này khác, ông vướng phải những hoang mang, dao động trên con đường chiến đấu thật sự của mình nhưng trên con đường văn học, ông trước sau vẫn hiện ra chân dung một nhà văn luôn nặng lòng với nhân dân và đất nước.

TÁC PHẨM

1. *Cây ná trúc* (tiểu thuyết, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, 1947).
2. *Phấn son* (thơ, báo *Việt Bút*, 1948).
3. *Bạc Xiu Lìn* (tiểu thuyết, Nxb. Tiếng Chuông, 1949).
4. *Chiến sĩ hành* (thơ trường thiên, Nxb. Tân Việt Nam, 1949).
5. *Nửa bờ xương khô* (tiểu thuyết, 2 tập, Nxb. Tân Việt Nam, 1949).
6. *Đằm ô rô* (tập truyện ngắn, gồm có các truyện *Miếng đỉnh chung, Hối tặc, Đằm ô rô, Ma Thiên Lãnh, Khô nhục kế, Tóc thề*, Nxb. Tiếng Chuông, Sài Gòn, 1949).
7. *Sông máu* (tập truyện ngắn, gồm có các truyện *Sông máu, Trên Thái Bình Dương, Sài Gòn ơi!, Tiếng địch sông Ô, Cây đàn cầm, Hai lá thư không gửi, Mai Phi, Cầu chìm*, Nxb. Tiếng Chuông, Sài Gòn, 1949).
8. *Bên kia sông* (tập truyện ngắn, gồm có *Ly bôi, Ngày xưa, Đèn Sài Gòn, Một đêm trắng, Tráng khách, Cười mưa tan, Bát canh rau má, Người khách viễn phương, Chiều hôm qua, Thư của mẹ tôi*, Nxb. Tân Việt Nam, Sài Gòn, 1950).
9. *Ngũ Tử Tư* (tập truyện ngắn, gồm có các truyện *Ngũ Tử Tư, Con trâu giấy, Theo khói nhang rằm, Nhạc thân, Phở Xiếu Hùng lìn xì, Qua sông, Thần Vòng*, Nxb. Tân Việt Nam, Sài Gòn, 1950).
10. *Tha La* (thơ, *Thơ mùa giải phóng*, Nxb. Sống Chung, Sài Gòn, 1950).
11. *Mắt xanh sớm vẫn làm than bụi đời* (truyện ngắn, báo *Xuân Việt Nam* số tết, 1951)

PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT

1. Truyện ngắn

Gia tài truyện ngắn của Vũ Anh Khanh gồm 31 truyện in trong bốn tập: *Đằm ô rô* (1949), *Sông máu* (1949), *Bên kia sông* (1949) và *Ngũ Tử Tư* (1950) cùng một số truyện ngắn khác đăng rải rác trên các báo. Đây có thể được xem là một con số đáng kể trong khoảng thời gian sáng tác hơn hai năm ngắn ngủi.

Tuy số lượng nhiều nhưng thể giới phản ánh trong các truyện ngắn của Vũ Anh Khanh không rộng. Tác giả chủ yếu tập trung khắc họa hai thể giới đối lập mà như nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Sâm đã chỉ ra: thể giới của người ý thức tranh đấu cho quê

hương và thế giới của những kẻ mê muội, tầm thường không để tâm đến nguy vong của tổ quốc [7]. Vì vậy, những tác phẩm này của ông đôi lúc có tình trạng trùng lặp hình ảnh nhân vật, bối cảnh và sự kiện. Khung cảnh một sông bãi bức nồng ngọt ngạt, một nhà thổ mờ ảo nặng nề và hình ảnh người con gái thua bạc thất thủ canh khuya rồi ngã vào vòng tay của kẻ lăm lăm, hay chân dung người chiến sĩ trên dặm đường gió bụi, cảnh chiến trường tử địa, giây phút lâm chung... xuất hiện không dưới một lần trong truyện ngắn Vũ Anh Khanh, và có lẽ cũng là hình ảnh khá quen thuộc trong nhiều sáng tác tranh đấu ở miền Nam ngày ấy. Thế nhưng văn đàn vẫn dành riêng cho ông một vị trí quan trọng, nếu không muốn nói là đỉnh cao, là bởi ông đã sử dụng những hình ảnh ấy một cách rất khéo léo, khiến người đọc có cảm giác được nhìn thấy chứ không phải được nghe kể, được tự tìm hiểu chứ không phải bị hướng dẫn, dạy bảo. Viết về cuộc sống nơi đô thành với những tệ nạn cờ bạc, đĩ điếm, đục khoét đang dần làm mục ruỗng xã hội, bóp chết dần tinh thần tranh đấu của người dân, ông miêu tả từ cái nhìn của chính người trong cuộc: cảm giác cuồng say đến mờ mắt, mù mịt với những quân bài đỏ đen, với những tiếng “tài”, “xiu”, cảm giác đói cồn cào khi nhắm tụi, cảm giác tui hổ nghẹn lòng hay dày mặt sượng sùng khi bán rẻ cuộc đời trong sạch, và cả nỗi hối hận đến đờ đẫn khi nhìn lại chuyện đã qua.

“Hết tiền nên Huyền không đánh nữa, tuy vậy nàng vẫn đứng yên một chỗ để xem người khác đánh cho đỡ ghiền [...] Hai người đi vào nhà ngủ Tàu. Ánh đèn sáng xanh làm cho Huyền thấy ngượng. Lần đầu tiên, vì tiền, nàng bước vào ngưỡng cửa này. Thế là hết! Nàng bẽn lẽn cúi đầu để tránh những cặp mắt tò mò của mấy người bồi phòng cứ chăm chăm nhìn nàng [...] Một cái gì chặn lên cô. Huyền thấy nghẹn lời.” (*Hối tặc*)

“Son lảm bảm với mình. Son mím môi rón rén bước đi. Đi đâu? Về nhà? Son lắc đầu ngai ngùng. Đêm nay Son đành ngủ “lang” vậy! Bụng Son bỗng cồn cào xót. Son đói? Người Son rã rời, run lên, bước đi lảo đảo. Son lạnh? Bao nhiêu tiền, Son đã thua hết, bây giờ lấy gì để được quyền ăn một bát “hoành thần” rắc thật nhiều tiêu sọ cho ấm bụng.” (*Ma Thiên Lãnh*)

“Chàng tưởng tượng đến hai túi bạc đây, đến một cô con gái nào đấy đang bơ vơ giữa đường đời, sẽ cùng chàng neo thuyền đậu liều ở một bến Tầm Dương! [...] Thảo hối hận muốn khóc. Chàng dựa lưng vào vách khám, mắt lơ lơ nhìn tia nắng yếu len qua hai cánh cửa tò vò.” (*Sài Gòn ơi!*)

Thế giới sa ngã, u mê được khắc hoạ để tôn lên vẻ đẹp của thế giới những người chiến đấu. Thế giới ấy không phải chỉ có những người ở chiến khu, bung biên, những người tấn công sào huyệt địch, hay những anh hùng dọc đường gió bụi như Mai Bằng Phương (*Mai Phi*), Phân (*Tóc thề*), An, Sứu (*Qua sông*), Phở (*Miếng đĩnh chung*), Diễm, Đường (*Hai lá thư không gửi*), Loan (*Sài Gòn ơi!*)... mà còn có cả những người chiến sĩ hoạt động ở thành, ẩn mình dưới cái vỏ bê tha trụy lạc như Hoàng (*Miếng đĩnh chung*), người chiến sĩ không tên (*Hối tặc*)... và những người phụ nữ hướng lòng về người đang chiến đấu, kiên cường trước những cám dỗ, thử thách của đời sống như Thơ (*Miếng đĩnh chung*), Huyền (*Sông máu*), Shihan (*Mai Phi*), vợ Thuận (*Theo khói nhang rằm*)... Hình ảnh người chiến sĩ được miêu tả thật toàn thật mỹ, phảng phất vẻ đẹp của người tráng sĩ

thời xưa, vừa kiêu bạc anh hùng, vừa hào hoa lãng mạn, đặc biệt là trong trí tưởng tượng của người con gái quê nhà.

“Chàng đang làm gì giờ này? Chàng đang đứng trên một đỉnh đồi nào, mắt hướng về quê xưa, gởi bao tâm sự nhờ gió đem về với người cũ, cảnh quen, hay chàng đang nằm dài trong lau già, mấm môi im lặng, chăm chú tìm bóng hình quân địch?” (*Miếng đỉnh chung*)

“Shihan ngừng que đan nghe Phương nói, nàng lim dim mắt mơ màng tưởng tượng. Trên con đường khúc khuỷu, gai góc, Phương đang len lỏi giữa những bụi cỏ, lùm cây để tránh những lần đạn bắn vãi theo của người đuổi phía sau [...] Bỗng dung Sihan để lòng thương người đàn ông đang đứng phì phèo khói thuốc kia.” (*Mai Phi*)

“- Anh ngâm thơ Huyền nghe nhé!
Huyền gật đầu, ông khách cất giọng trầm hùng ngâm:
*Phong tiêu tiêu hệ Dịch thủy hàn,
Tráng sĩ nhất khứ hề, bất phục hoàn.*” (*Sông máu*)

Không khó để nhận ra dáng dấp Dũng thời Tự Lực văn đoàn trong những người lính của Vũ Anh Khanh. Đồng thời, họ còn mang dáng vẻ của người anh hùng Kinh Kha xưa bên sông Dịch Thủy. Có lẽ vì vậy mà chân dung người lính ở đây hơi thiếu nét mộc mạc, thô ráp của cuộc sống. Nhưng đây cũng là đặc trưng chung của văn học tranh đấu giai đoạn này: vừa là bước tiếp nối của văn học lãng mạn 1930-1945, vừa ảnh hưởng không khí truyện Tàu rất phổ biến ở miền Nam thời bấy giờ.

Điều khiến người chiến sĩ trong truyện ngắn của Vũ Anh Khanh tuy thiếu nét mộc mạc, gần gũi nhưng vẫn làm rung động lòng người chính là tình cảm yêu thương đong đầy trong lòng họ. Tuy lúc nào cũng cố tỏ ra kiên cường gạt tình riêng vì nghĩa lớn nhưng người cầm súng chiến đấu vẫn hiện ra đa cảm như một văn nhân. Thiếu tá Vương Dung (*Trên Thái Bình Dương*) trong giây phút hiếm nghèo nhất đã cho phép mình được một phút yếu lòng đắm chìm trong ký ức về người yêu cũ, Mai Bằng Phương (*Mai Phi*) mấy mươi năm chiến đấu vẫn thương nhớ một người con gái miền cao, Hương (*Tóc thê*) những ngày ra trận vẫn giữ bên mình bài thơ thêu bằng chỉ đỏ trên vuông lụa trắng và mớ tóc thê của người nữ đồng chí.

Vũ Anh Khanh đã giải quyết rất khéo léo mối quan hệ giữa tình yêu nước, lý tưởng anh hùng với những tình cảm khác. Ông không tách rời tình yêu nước khỏi tình yêu lứa đôi, tình cảm gia đình, tình bạn, và cả tình người, thế nhưng nó luôn mang tính quyết định và vượt lên trên tất cả. Nó chỉ phối cảm xúc của trai gái yêu nhau và nghĩa vợ chồng. Nó dẫn dắt đôi lứa đến bên nhau (*Mai Phi*, *Tóc thê*), nếu hai người cùng chí hướng thì tình yêu càng thêm sâu đậm (*Hai lá thư không gửi*, *Sông máu*, *Con trâu giấy*), nhưng nếu một kẻ sai đường thì tình nghĩa cũng sút mẻ, tan vỡ (*Sài Gòn ơi!*, *Miếng đỉnh chung*). Thậm chí tình yêu nước còn có khả năng hoá giải những tổn thương tình cảm cá nhân. Người trai bạc tình Vương Dung sau khi bị trọng thương đã gặp lại người yêu xưa ở bệnh xá chiến trường và được nàng tha thứ (*Trên Thái Bình Dương*).

Phơi ra một cách sống động trước mắt người đọc hai mảng màu đen trắng của cuộc đời giữa thời khắc quyết định của lịch sử, nhà văn để người đọc tự chọn lấy cho mình một con đường. Ngay cả khi ông viết truyện lịch sử thì hai thế giới đối lập này vẫn hiện ra rất rõ: một bên là người ý thức cảnh nước mất nhà tan như Chế Liễu (*Cây đàn cầm*), Ngũ Tử Tư (*Ngũ Tử Tư*), một bên là kẻ hoạc u tối, hoạc đắm nguyệt say hoa mà quên nghĩa lớn như Chế Bồng Nga (*Cây đàn cầm*), Ngô Phù Sai (*Ngũ Tử Tư*), hoạc có khi cả hai thế giới ấy cùng ở trong một con người như Chế Cầu (*Cầu chìm*), người tráng sĩ nhận nhiệm vụ hành thích vua Trần nhưng vì say men tình ái mà quên mỗi hận non sông để rồi phải trả giá bằng nỗi dày vò và cái chết.

Hơn 30 tác phẩm với một vùng phản ánh khá hẹp nhưng truyện ngắn của Vũ Anh Khanh không gây nhàm chán một phần nhờ vào cách kể chuyện của ông. Nhà văn rất linh hoạt trong cấu tạo tác phẩm, tạo sự đa dạng để phục vụ một mục đích duy nhất: cổ vũ kháng chiến. Ông dùng chuyện đời xưa để nói chuyện đời nay: chuyện Ngũ Tử Tư diệt Sở (*Ngũ Tử Tư*), chuyện chiến sự Tần-Yên (*Con trâu giấy*), chuyện thời chúa Nguyễn (*Khổ nhục kế*, *Tiếng địch sông Ô*) vua Chăm (*Cầu chìm*, *Cây đàn cầm*); dùng chuyện nước người nói chuyện nước mình (nước Nhật trong *Thần Vòng*, *Nhạc thần*); dùng chuyện thế giới siêu hình để kể việc thế nhân (*Theo khói nhang rằm*, *Sông máu*, *Thần Vòng*, *Nhạc thần*); và thậm chí tưởng tượng ra cả tương lai để nói về hiện tại (chiến tranh thế giới thứ ba xảy ra vào những năm sáu mươi trong *Trên Thái Bình Dương*). Nhờ vậy độc giả luôn cảm thấy bất ngờ với những sáng tác của Vũ Anh Khanh, háo hức như sắp được thưởng thức một món ăn lạ miệng làm từ những nguyên liệu quen thuộc.

Trong chuỗi truyện ngắn của mình, Vũ Anh Khanh thường hay lặp lại một số hình ảnh quen thuộc, trong đó ấn tượng nhất là hình ảnh máu và hình ảnh dòng sông. Máu không xa lạ trong những tác phẩm về chiến tranh và hy sinh, nhưng máu trong truyện ngắn Vũ Anh Khanh có lúc gần như là một nỗi ám ảnh. Đó là dòng sông nhuộm đỏ máu của người chiến sĩ hy sinh nơi pháp trường, đục ngầu, cuộn cuộn (*Sông máu*). Đó còn là sắc chỉ đỏ thêu trên vương lụa trắng mà người lính dặn đồng đội mình: “Màu đỏ là màu máu của cha tôi đã chảy ở pháp trường, cô nhớ đúng giùm cho” (*Tóc thề*). Đó cũng có thể là cơn khát máu điên loạn của quan Cận Chánh Điện Đại học sĩ Nguyễn Thân thích nghe tiếng chém đầu vào mỗi bữa cơm và sẵn sàng giết cả con gái mình chỉ vì một nụ hôn trên má (*Tiếng địch sông Ô*). Ngược lại, đó cũng có thể chỉ là một dòng máu nhỏ trên tay vị chúa Nguyễn biết xót xa cho trăm họ:

“Dải áo tỵ hàn bỗng vướng vào bụi hồng tường vi, Chúa đưa tay ra gỡ. Một cành gai nhọn chẳng kiêng dè, đâm sâu vào da, Chúa khẽ nhăn mặt, nặn máu ở vết thương xoàng. Nhìn dòng nước rất đỏ chảy lăn trên sắc da tái vì lạnh, Chúa vụt nghĩ đến bao nhiêu giọt máu của đám quân binh đã chảy để gìn giữ cõi bờ.” (*Khổ nhục kế*)

Dòng sông trong truyện ngắn Vũ Anh Khanh có thể là một dòng sông thực trong đời, có tên cụ thể như sông Trà Khúc xứ Quảng (*Sông máu*), sông Gianh (*Khổ nhục kế*) hay một dòng sông không tên nào trên đất nước Việt Nam (*Bên kia sông*, *Qua sông*), hoạc dòng sông Dịch Thủy, sông Lại Thủy trong lịch sử (*Ngũ Tử Tư*, *Sông máu*). Đó là hình ảnh gần như đã trở thành biểu tượng của biệt ly chinh chiến. Vũ Anh Khanh viết nên một dòng sông máu không ngoài mục đích gợi nên không khí dữ dội mà hào hùng của

cuộc chiến bảo vệ đất nước và tô điểm cho hình ảnh hiên ngang của người chiến sĩ lên đường vì nghĩa cả. Dòng sông còn gợi cảm giác cách trở, xa xôi. Trong *Qua sông*, Sừ nhận nhiệm vụ đi tiên tiêu trong một cuộc tấn công đồn địch bên kia sông, và đó cũng chính là mảnh đất làng quê của Sừ, nơi có mẹ, có bà, có cả một tuổi thơ bình dị, nhưng Sừ có cảm giác không sao với đến được. Cách chỉ một dòng sông, thật gần mà thật xa.

Văn phong truyện ngắn của Vũ Anh Khanh đẹp, bình dị mà vẫn tao nhã. Ngoài hai điển tích Kinh Kha bên bờ Dịch Thủy và bến Tầm Dương được sử dụng nhiều đến mức nhàm chán (bến Tầm Dương được dùng như một uyển ngữ thay thế cho quan hệ giữa khách làng chơi và gái giang hồ) thì những cổ ngữ ông dùng đa phần hợp cảnh, tạo được không khí xa xưa, nghiêm mặc cho những truyện có phong nền lịch sử:

“Những sợi tóc rơi loà xoà xuống trán, Ngũ đưa tay hất lên. Đầu tóc Ngũ đã bạc, trắng hều như màu áo khinh cừ.” (*Ngũ Tử Tư*)

“Từ đây ở chợ Phiên Dương có kẻ chuyên thổi sáo kiếm tiền. Kẻ ấy là Ngũ Tử Tư, một nghĩa sĩ mang hận nhà, phải lạc loài vào trong thiên hạ.” (*Ngũ Tử Tư*)

“Khải Chúa, có Lộc Khuê Hầu Đào Duy Từ vừa đi kinh lý ở lũy Trường Dục về, lại vẫn an.” (*Khổ nhục kế*)

Tuy nhiên đôi khi cổ ngữ trở nên hơi gượng và sáo khi đặt trong bối cảnh hiện đại. Tác giả cũng thỉnh thoảng hơi quá tay khi đặt suy nghĩ của mình vào miệng nhân vật, khiến lời thoại trở nên giáo điều và thiếu sức sống, chẳng hạn như lời nhân vật người chiến sĩ trong *Hối tặc* tâm sự với Huyền khi cô suýt sa chân vào truy lạc:

“Đêm đêm, anh đã gặp, từ những sông bạc công khai đi ra những chàng trai điếm đàng và những cô gái trẻ đẹp! Và đêm đêm, trong những gian phòng kín đáo giữa châu thành có những người con gái sượng sùng neo thuyền đậu lại một bến Tầm Dương, cùng kẻ đàn ông xa lạ đánh một bản đàn lỗi nhịp, xót xa đau. Những người con gái trẻ, đại khờ, sau khi thua bạc đã liều lĩnh nghĩ rằng: ‘Minh bậy bạ một đêm, ai mà biết được!’ Ấy thế rồi một lần, rồi hai lần, rồi nhiều lần họ thành ra một bày đi thập thành, để cho đời mình lẩn mãi xuống hố truy lạc, không bao giờ mong trở lên được nữa! Trong số ấy có những bà phong lưu đài các, những người trẻ tuổi cao sang, những cô gái quê mùa, những chị bán hàng rong chợ búa. Trong lúc quê hương ly loạn, lòng người ta thán, họ đứng ra ngoài lẽ đời, quên bổn phận làm mẹ, làm vợ, chạy theo những ảo ảnh và họ quên luôn rằng đi đánh bạc, chẳng bao giờ họ ăn được ai! Khi đã lỗ thua họ theo một người nào đó, tắc lưỡi một cái, nhắm mắt lại, dâng cái quý nhất đời mình cho kẻ có tiền để đổi lấy vài miếng giấy bầu nhàu không giá trị với một túi nhục, một nhục như không bao giờ rửa sạch được.”

Tóm lại, truyện ngắn của Vũ Anh Khanh hẹp trong đối tượng phản ánh nhưng đa dạng trong cách thể hiện, hình ảnh sinh động, cảm xúc tinh tế, lời văn tao nhã và xây dựng được những hình tượng gây ấn tượng mạnh, tác động đến tình cảm và quan điểm của người đọc về vấn đề mà tác giả cố công truyền đạt. Có thể nói trên lĩnh vực truyện ngắn, Vũ Anh Khanh thành công ở cả số lượng và chất lượng tác phẩm.

2. Tiểu thuyết [8]

Nếu như truyện ngắn của Vũ Anh Khanh dựng nên hai thế giới đối lập giữa người thức tỉnh và kẻ mê muội thì tiểu thuyết của ông hoàn toàn dành để miêu tả cuộc sống, lý tưởng, ước mơ của những người chiến đấu. *Bạc Xiu Lìn* là câu chuyện về những người gián điệp ở thành, *Nửa bờ xương khô* kể lại cuộc sống của chiến sĩ và cứu thương giữa chiến trường ác liệt còn *Cây ná trắc* là bức tranh toàn dân đánh giặc ở một ngôi làng duyên hải miền Trung những ngày tiền khởi nghĩa.

Nếu như thế giới của người chiến đấu trong truyện ngắn được phác họa khá mơ hồ với những nét chấm phá về lý tưởng, bản phận và phần nào có tính lãng mạn hoá, thì độ dài của tiểu thuyết đã cho phép nhà văn xây dựng một thế giới cụ thể và sống động hơn với những trận đánh, những chuyến công tác, nhiệm vụ và hoạt động của quân dân thời chiến, đồng thời bổ sung thêm những chi tiết đời thường, vụn vặt nhưng tinh tế, giúp hoàn thiện bức tranh kháng chiến đa sắc: vừa phảng phất nét đẹp tráng khí xa xưa, vừa gần gũi, mộc mạc không khí thời đại. *Cây ná trắc* nổi bật lên hình ảnh người dân quê đánh giặc. Phần lớn nhân vật trung tâm trong các tác phẩm khác của Vũ Anh Khanh là những người có ít nhiều chữ nghĩa, là học trò, thầy giáo, hoặc nhà văn. Ngay cả khi tác giả không hé lộ thân thế nhân vật thì họ vẫn hiện ra với những lý tưởng bắt nguồn từ sách vở, nói năng bay bổng lưu loát, và thường hay liên tưởng đời mình với những nhân vật trong lịch sử, văn chương. Thế nhưng trong *Cây ná trắc* ông lại dành nhiều tâm huyết để miêu tả lòng yêu nước của những người dân quê chân chất. Nổi bật hơn cả là nhân vật Niềm, người thiếu niên dân tộc thiểu số ở Bù Đốp đến làng Khánh Thiện làm thuê và gia nhập vào cuộc kháng chiến chống Nhật của dân làng. Niềm đến với kháng chiến không vì bất cứ lý tưởng trừu tượng nào mà trước tiên là vì mối thù giết cha. Quân Nhật trong một đêm say xỉn đã trói và đánh cha Niềm đến chết chỉ vì không ép được ông chỉ đường cho chúng đến chỗ những cô gái trong làng. Và Niềm thề: “Tôi sẽ giết bất cứ kẻ nào là Nhật Bản”. Nhìn vào lịch sử, ta thấy nguồn gốc sức mạnh tranh đấu của dân tộc chính là bởi thù riêng hoà vào nghĩa chung. Người nông dân, lực lượng chính của cách mạng và kháng chiến, vùng dậy là bởi cá nhân họ có món nợ máu cần đòi với kẻ thù, và cũng để thoát khỏi ách áp bức hữu hình đè trên vai họ. Thế nhưng đây gần như là tác phẩm duy nhất của Vũ Anh Khanh khắc họa cụ thể nguyên nhân này. Phần nhiều ông nói về những người cách mạng hy sinh thân mình vì hạnh phúc của người khác, từ bỏ bút nghiên, nhà cao cửa rộng, cuộc sống bình yên của cá nhân mình để chiến đấu cho người cùng khổ. Đó bởi vì độc giả của ông chủ yếu thuộc tầng lớp này, những người sống vui vẻ ở thành đô, nơi tiếng khóc rất xa và đạn bom rất nhỏ. Niềm thuộc vào thế giới những nhân vật chiến sĩ anh hùng của Vũ Anh Khanh, được nhà văn dành nhiều trang viết miêu tả tình cảm, cảm xúc. Khác hẳn những nhân vật anh hùng khác, Niềm hiện ra là “một thiếu niên mình trần trụi, chỉ mặc mỗi chiếc quần đùi, thân thể ốm và đen thui”, không bùng bùng tráng khí hay sắc sảo tư duy, mà lại rất hiền lành ngoan ngoãn, chỉ muốn được “theo anh Tảo suốt đời”, vì Tảo là một trong những lãnh đạo kháng chiến làng Khánh Thiện. Xung quanh Niềm là cả thế giới đông đảo những người dân quê chống giặc: những cô gái, chàng trai vừa lao động việc nhà, vừa lo toan việc nước, vá áo chiến sĩ, tổ chức tuyên truyền, làm văn nghệ, dạy chữ cho người dân; những người vợ đấu tranh bằng cách lo toan nhà cửa, con cái để chồng rảnh tay dốc lòng dốc sức vào cuộc chiến đấu chung. Ngay cả lý tưởng, chánh tông, vốn hiện lên trong nhiều tác phẩm văn học là kẻ thù của

nhân dân lao động, cũng xuất hiện ở đây với tư cách là người ủng hộ kháng chiến. Cụ Tổng Chánh làng Khánh Thiện dành cho kháng chiến tất cả những gì mình có, của cải vật chất, và người con trai duy nhất, với một lý do giản dị: “Trời cho tôi có tiền thì tôi giúp. Và lại giữ tiền, giữ gạo lại làm gì? Giặc đến rồi thì cũng mất và khi chết tôi cũng chẳng đem theo xuống lỗ được”, “Thời bình nó là con tôi, thời loạn nó là con của nước. Tôi không có quyền kèm giữ nó nữa”.

Thế giới tâm lý của những người tranh đấu trong tiểu thuyết của Vũ Anh Khanh được miêu tả khá đa chiều và tinh tế. Có người chiến đấu vì lý tưởng như Chung trong *Nửa bờ xương khô* hay Tảo, Bão, Đình trong *Cây ná trắc*, có người chiến đấu vì thù riêng như Niêm, có người chiến đấu vì niềm tin chân lý hồn nhiên như cụ Tổng Chánh, và cũng có người chiến đấu đơn giản vì muốn sống một cuộc đời khác có ý nghĩa hơn ngoài việc quanh quẩn với những công việc đời thường tẻ nhạt.

“Bọn mình cứ sống yên tĩnh trong bốn hàng lũy tre già quanh năm chải gió, yên phận mãi, buồn lắm và chán nữa! Nếu cứ thế, đời bọn mình chắc rồi cũng như những cô gái quê mùa khác, cần cù chăm chỉ từ nhỏ, lớn lên sẽ lấy chồng tồng, lý: sinh con, đẻ cháu và rồi cũng sẽ chết vô sự như mọi người tự thuở giờ. Cuộc sống bằng phẳng của mặt nước ao tù thẳm lặng.” (*Nửa bờ xương khô*)

“Và Huyện cũng như Cải, thường ước mơ được dịp nào để sống một cuộc đời mới mẻ, khác hẳn những bạn gái cùng làng.” (*Nửa bờ xương khô*)

Tâm lý của người chiến đấu dưới ngòi bút Vũ Anh Khanh là một phức hợp của nhiều cảm xúc: háo hức, mơ mộng, quyết tâm, u buồn, sợ hãi, và cả khổ đau. Những người con gái tuổi đôi mươi ra trận, ngược ngịu sửa cách xưng hô “mày”, “tao” thành “đồng chí”, bồi hồi xúc động khi chào cờ Tổ quốc, và tinh nghịch đùa nhau bằng những vần thơ:

“Người ta cắt tóc vào chùa
Em tôi cắt tóc giữa mùa chiến chinh
Người ta cắt tóc tu hành
Em tôi cắt tóc theo anh lên đường
Theo anh làm nữ cứu thương
Ngoài kia xa lắm! Chiến trường em đi...” (*Nửa bờ xương khô*)

Chàng trai quê nghèo ra trước giờ ra trận ngạc nhiên khi thấy lòng mình bình yên kỳ lạ:

“Niêm chỉ thấy vui vì sắp được cùng Tảo lăn mình vào chỗ bom đạn, được cười mát mẻ bên cạnh cái chết bất ngờ.” (*Cây ná trắc*)

Người đi mang theo trong lòng giấc mơ đẹp về ngày chiến thắng:

“Thốt nhiên Huyện nghe quả tim đập mạnh; nàng nghĩ đến cái vui ngày kia, một ngày còn xa xôi lắm, nàng được trở về thăm quê cũ, sống lại những ngày xưa, hưởng cuộc đời thanh bình của thời thơ ấu.” (*Nửa bờ xương khô*)

Thế nhưng không phải buổi lên đường nào cũng rộn ràng đầy tráng khí. Không phải người chiến sĩ nào cũng ra đi với nụ cười háo hức trên môi. Họ không phải là những cỗ máy đánh giặc, quanh năm hô hào và ca bài ca quyết thắng. Vũ Anh Khanh không ngại ngần miêu tả những buổi chia tay não lòng, khi mà người ra trận không tự mị mình bằng viễn cảnh ngày về, ngược lại, họ hình dung ra cái chết của chính mình và nỗi đau khổ của người thân.

“Chàng liếc vợ và nhớ hôm nào ngồi trông Hồ khóc An, chàng tưởng nếu sau này khi nghe tin mình chết, vợ chàng sẽ khóc đến thế nào. Tảo bỗng để ý nhìn rất lâu chiếc áo trắng của vợ căng phoi ngoài dây thép, màu áo trắng toát, trắng quá làm loáng mắt Tảo; chàng khẽ rùng mình tưởng đến một chiều nào đấy, vợ chàng sẽ lần mò ra đứng bên mộ chàng, để tà áo trắng ấy phát phơ bay trong gió hiu hiu.” (*Cây ná trác*)

Ngay cả khi Tảo ở vị trí người đưa tiễn, anh cũng yếu lòng vì nỗi buồn biệt ly:

“Hồ ghen lời, Tảo giả vờ quay mặt đi. Người ta dễ khóc với nhau khi tiễn biệt. Tảo hơi bức tức với mình đã để lòng yếu mềm trước cảnh chia tay, vì biết đâu, Tảo nghĩ thầm, biết đâu chẳng là buổi chia tay cuối cùng giữa Hồ với chàng.” (*Cây ná trác*)

Từ những nỗi lo sợ mơ hồ, những dự đoán pháp phông, tác giả dẫn đến cả những mất mát có thực và nỗi đau của người trong cuộc:

“Thật ra ngày An đi, Hồ đã đoán trước thế nào cũng có cái tin này về. Đã biết trước thế, nhưng Hồ không hiểu sao nàng lại thấy lòng mình đau đớn quá khi nghe An chết [...] Tảo bước vội đi như muốn trốn, chỉ định lại an ủi Hồ mà rồi chẳng biết nói gì! Tảo thấy Hồ khóc, lòng chàng tự nhiên cũng muốn sụt sùi, nếu không bỏ đi chàng sẽ khóc tại đây mất.” (*Cây ná trác*)

Vũ Anh Khanh còn miêu tả cả những cái chết rùng rợn đáng sợ trên chiến trường. Ngôi bút của ông không ngại ngần tả tỉ mỉ sự khủng khiếp của vết thương và nỗi đau đớn của người lính:

“Bụng Đạm đã bị miếng đạn phá nát, ruột Đạm đổ ra ngoài, hai tay Đạm nắm chặt cuống ruột như cố bứt cho đứt nhưng sức anh đã hết rồi! Anh chỉ còn nằm yên cầu cứu, mắt anh mở trừng, nước mắt đau đớn chảy dài xuống má cùng một lúc với máu ở hai kẽ miêng rỉ chảy theo vành môi [...] Anh run giọng bảo:

- Tôi muốn được mau chết thôi! Các anh cứ làm ơn giết tôi đi, giúp tôi đi. Tôi xin các anh cho một viên đạn để làm phần thưởng cuối cùng.” (*Nửa bờ xương khô*)

Khi nỗi đau của người lính bị thương chấm dứt cũng là lúc bắt đầu một nỗi đau khác: nỗi đau của người nổ súng giúp bạn chết nhanh hơn. “Mẹ Đạm thương Đạm lắm, tôi biết, rồi sau này tôi ăn làm sao, nói làm sao với bà cụ, trời ơi!”

Nhà văn không tránh né nỗi buồn chinh chiến, mà ngược lại, đào sâu, khai thác nó. Dẫu mong muốn tác phẩm của mình có ảnh hưởng tích cực lên người đọc, kêu gọi họ

lên đường ra trận, nhưng ông cũng không vì thế mà tỏ hòng cuộc chiến, dè dặt với đau thương. Miêu tả nỗi buồn, nỗi sợ hãi không làm nhân vật có vẻ yếu đuối mà ngược lại, nhấn mạnh được sự mạnh mẽ, can trường khi họ chế ngự, vượt qua được những cảm xúc ấy để tiếp tục đối mặt với kẻ thù.

Vũ Anh Khanh cũng khéo léo kết hợp yếu tố lãng mạn, bay bổng và hiện thực, gần gũi trong tiêu thuyết của mình. Bên cạnh những đoạn miêu tả cảnh vật rất có nghệ, thế giới tưởng tượng của nhân vật lúc nào cũng được ông dành cho những lời văn mượt mà, trang nhã, những hình ảnh nên thơ.

“Đã mấy năm Niềm mới trở lại ngang đây, cây rừng vẫn xanh, mây trời vẫn sắc trắng xốp, Niềm tưởng đây là những đám mây ngày năm xưa năm xưa, cũng như Niềm đã đi lãng du xa đâu một độ rất lâu, bây giờ lộn về thăm bạn cũ.” (*Cây ná trắc*)

“Hồ tự dung hình dung bóng người bạn xưa đang vác súng chạy trên một con đường mòn nhiều lau già rung gió núi.” (*Cây ná trắc*)

Những hình ảnh tưởng tượng này đôi khi mang màu sắc cổ xưa, phi thực. Trong buổi tuyên thệ lên đường với những người lính áo vải xung quanh, Huyện lại hình dung ra “cảnh chiến trường có tiếng quân hò, ngựa hí, trống gióng, cờ bay” (*Nửa bờ xương khô*), hay “Tảo mừng tượng bóng vợ ẵm con đứng yên trên một ngọn đồi thông xanh, tầm mắt xa vời, ngóng trông tà áo trắng bay rữ giữa sương chiều rơi mau, làm cho Tảo xót xa nghĩ đến những buổi mong chờ của một người chinh phụ, mặc áo tang, đợi người chồng đã chết ngoài chiến trận” (*Cây ná trắc*). Những hình ảnh cổ điển “quân reo”, “ngựa hí”, “chinh phụ”... xuất hiện phần nào lạc lõng, dù là trong tưởng tượng của nhân vật vẫn khiến tác phẩm có nét sáo mòn.

Gần như đối lập với những bức tranh bay bổng trên là những đoạn trò chuyện thân mật giữa những nhân vật, hết sức đời thường và gần gũi. Những đoạn hội thoại này khá nhiều và vụn vặt, nhìn qua tưởng như không đóng góp gì cho kết cấu câu chuyện và làm truyện trở nên lỏng lẻo, nhưng nếu cắt bỏ những đoạn này thì sẽ làm mất đi phần người bình dị của nhân vật, chỉ còn lại phần anh hùng đẹp hoa mỹ nhưng xa lạ.

“Cầm chiếc bánh rế đưa vào miệng cắn, Đình phê bình:

- Quái, bánh rế của anh Tư Thôi làm, ăn lúc nào cũng ngon, vừa giòn, vừa ngọt.
- Và ăn mãi không thấy ngán, thú thật!
- Thôi, vào chuyện đi, còn về ngủ.

Đình nuốt vội miếng bánh, lờm Bão:

- Đi đâu mà vội, anh sợ chị ấy đánh hấn.

Chàng quay sang phân bua với vợ Tảo:

- Người ngang tàng ở ngoài đường như anh Bão mà về nhà lại là chúa sợ vợ đấy chị ạ.

Vợ Tảo hiền lành cười:

- Không sợ vợ chứ còn sợ ai?

Bão cười ngất, đập vào vai Đình:

- Đấy, lắng tai mà nghe, chị Tảo nói đúng. Những kẻ nào sợ vợ nhà đều là những tay anh hùng, chọc trời, khuấy nước, anh biết chưa?

[...]

Tảo nhìn vợ mỉm cười:

- Tôi mai mình nấu cho tôi một nồi chè đậu xanh đãi vỏ, đường cát trắng Quảng Ngãi.

Bão vỗ tay:

- Được, được, không làm gì tôi cũng đi chơi để chực ăn chè.”

(*Cây ná trặc*)

Không chỉ những mẩu chuyện đời thường, Vũ Anh Khanh còn lôi cuốn người đọc vào những biến chuyển cảm xúc nội tâm của nhân vật. Chính những đoạn miêu tả này đã khiến Vũ Anh Khanh chiếm trọn cảm tình của độc giả.

“Nhu một tiếng sét đánh, Huyện tái mặt. Tay nàng tự nhiên run run trong tay người đàn bà kia. Nàng cố gượng cười để chào. Một phút qua, nàng thoáng cảm thấy cả một tan vỡ đau đớn. Ruột nàng quặn thắt lại xót xa.

Huyện cắn chặt răng để khỏi bật một tiếng khóc và vội cúi đầu.

Nàng không nghe gì nữa! Không thấy gì nữa!

Chung quanh nàng, những bóng người đảo lộn không phân biệt màu sắc, những âm thanh pha trộn xô bồ. Nàng thấy mình bị bỏ rơi. Nàng thấy nàng trở nên bé nhỏ trước người đàn bà kia. Huyện sợ hãi, bám chặt ngón chân xuống nền gạch, tìm hiểu vì cớ nào Chung nhẫn tâm quên nàng mà lấy vợ. Gã đàn ông hiền hậu ngày xưa lại quên lời thề cũ! Tự nhiên Huyện muốn nói một lời thật chua chát với Chung. Nàng ngẩng lên, nàng nhìn bạo dạn vào mắt Chung, Chung đang nhìn lại nàng, nỗi bức tức của Huyện không hiểu sao biến mất, lui sâu vào lòng.” (*Nửa bò xương khô*)

Có thể thấy tiểu thuyết của Vũ Anh Khanh đã xây dựng rất thành công thế giới của những người chiến đấu bảo vệ quê hương, khắc họa nên những nhân vật anh hùng tao nhã mà bình dị với những diễn biến tâm lý khá thuyết phục và tinh tế, bổ sung vào thế giới nhân vật giàu lý tưởng mà ông đã tạo nên trong truyện ngắn.

3. Thơ

Nói đến thơ tranh đấu miền Nam, người ta hay nhắc đến bài thơ *Tha La* nổi tiếng của Vũ Anh Khanh. Nhưng đó không phải là bài thơ duy nhất của ông. Ngoài *Tha La*, Vũ Anh Khanh còn có hai tác phẩm thơ khác là *Phấn son* và *Chiến sĩ hành*. Con số này so với gia tài văn xuôi của chính tác giả và so với gia tài thơ ca của những nhà thơ cùng thời thật sự rất ít ỏi, nhưng công chúng vẫn dành cho ông một vị trí rất vững chãi trên thi đàn. Thậm chí nhà nghiên cứu Thế Phong còn khẳng định “hai nhà thơ đáng kể nhất của miền Nam lúc bấy giờ là Vũ Anh Khanh và Hoàng Tô Nguyên” [9].

Dù viết văn hay làm thơ, Vũ Anh Khanh vẫn không xa rời chí hướng cổ vũ cho cuộc đấu tranh của dân tộc. *Chiến sĩ hành* là khúc tráng ca về người ra trận, *Phấn son* là

lời trách móc người con gái đô thành vô tâm trước quốc biến, hờ hững với những hy sinh, và *Tha La* là hình ảnh đất nước đứng lên qua khung cảnh một xóm đạo đìu hiu giữa mùa chinh chiến vì dân làng đã nhất loạt từ bỏ giáo đường đi theo tiếng gọi của non sông. Giống như văn xuôi, thể giới thơ Vũ Anh Khanh là sự pha trộn giữa hào khí chiến chinh cổ điển và cảm xúc tranh đấu của thời đại. Hình ảnh ước lệ tượng trưng đan cài vào không gian hiện thực, tuy sắc độ đậm nhạt khác nhau qua từng tác phẩm. *Phấn son* và *Chiến sĩ hành* mang nhiều nét cổ xưa và đậm màu sách vở dù sử dụng nhiều chi tiết từ đời thực, trong khi *Tha La* tuy tuy không thoát ly hoàn toàn với hình ảnh ước lệ vẫn làm sống dậy bức tranh hiện thực sống động, tươi mới. Ấn tượng này một phần là bởi hai bài thơ trên chịu ảnh hưởng những thể thơ cũ, trong khi *Tha La* bay bổng hoàn toàn với thơ tự do. *Chiến sĩ hành* khuôn mình trong thể song thất lục bát, một thể thơ đạt đỉnh cao vào thế kỷ mười tám và chết dần trên dọc đường phát triển của phong trào Thơ Mới 1932-1945, khiến độc giả dễ liên tưởng đến những người lính trận thời xưa giữa chiến trường quân reo ngựa hí hơn là những anh chiến sĩ của thế kỷ hai mươi.

“Cỏ sầu héo vì binh nước Việt
Bỏ nhà đi để diệt quân thù
Bỏ người kỹ nữ Hàng Châu
Bỏ con thuyền rượu phai màu phấn son.”

Phấn son làm theo thể thơ bảy chữ, một sản phẩm của phong trào Thơ Mới dựa trên sự kết hợp giữa thơ thất ngôn cổ điển và cách gieo vần linh hoạt của thơ phương Tây. Ấn tượng cổ điển càng đậm nét hơn khi thắng hoặc xuất hiện những cặp đôi câu thơ đăng đối:

“Hương dâng leo béo, chim trời hót
Pháo tịt ngòi xuân, súng nổ giòn.”

hay thậm chí có cả câu thơ toàn từ Hán Việt:

“Xuân nhật đăng lâu vọng cổ nhân”

Hình ảnh ước lệ được tác giả sử dụng khá nhiều trong hai bài thơ này, với những “kỹ nữ Hàng Châu”, “ gương Tư Mã”, “kinh thành”, “mùa binh lửa”, “chinh chiến ba năm trống dập dồn”, “cờ son phất gió ngoài quan ải”, hay “bóng ai múa giáo ngoài sương gió”. Có thể những hình ảnh này đã cũ nhàm, mòn sáo, nhưng không thể phủ nhận vẻ đẹp sang trọng của chúng. Thơ ca cổ điển vẫn luôn có sức hút và ảnh hưởng với những người sáng tác nửa đầu thế kỷ hai mươi. Nó tạo ra một vùng không gian sang trọng vượt lên trên hiện thực đời thường. Bên cạnh đó, sức mạnh của hình ảnh thơ cổ điển là tạo nên trường liên tưởng, từ một bài thơ mở ra vô số những bài thơ khác tùy theo sở học của người đọc. “Bóng ai múa giáo ngoài sương gió” với người này có thể là sự nhàm chán, nhưng với người khác lại có thể làm sống dậy hào khí Đông A thuở nào trong thơ Phạm Ngũ Lão “Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu” (*Thuật hoài*).

Tác giả sắp xếp những hình ảnh cũ - mới, ước lệ - hiện thực khá hài hoà. Người chiến sĩ trong *Chiến sĩ hành* bỏ “người kỹ nữ Hàng Châu” và “con thuyền cũ nhạt màu

phần son”, nhưng cũng có người bỏ “lúa non đồng héo” và “vườn rau trước méo, sau dài”. Giữa “cờ son phất gió” và “tiếng trống dập dồn” trong *Phấn son* vẫn có “Pháo tịt ngòi xuân sủng nở giòn” và “Áo trắng an ninh giữa lũy đồn”. Nhưng ấn tượng chung vẫn là không khí cổ xưa lan toả, đưa người đọc vào một thế giới xa xôi nào. Tuy có phần tách biệt khỏi cuộc chiến đấu thực, nhưng thế giới thơ này lại khá gần gũi với độc giả chính của tác phẩm: những người trí thức ở thành đô nặng lòng với sách vở. Khi sáng tác, bên cạnh hướng đến giá trị nghệ thuật, tác giả không che đậy ý định tác động vào lòng yêu nước của độc giả. Lời bài *Phấn son* mềm mại như một lời thủ thi, với hy vọng thức tỉnh người con gái đắm say trong nhung lụa, phấn son mà quên nghĩa lớn.

“Nghe chẳng cô gái đô thành nội?
Áo trắng an ninh giữa lũy đồn
Xuân sang rầm rức sàu quê tổ
Ai điếm trang mà em phấn son?”

Nếu như hai bài thơ trên không gợi ra một khung cảnh cụ thể nào thì ngược lại *Tha La* vẽ nên một bức tranh tỉ mỉ và chi tiết về một xóm đạo ven rừng, với những hình ảnh hiện thực sống động:

“Đây Tha La xóm đạo
Có trái ngọt cây lành
Tôi về thăm một đạo
Giữa mùa nắng vàng hanh”

Xóm đạo hiện lên với vẻ đẹp thanh bình, yên ả. Sự tĩnh mịch, quạnh hiu của Tha La gọi dậy tiếng súng chiến trường. Nỗi buồn của Tha La không lẫn át được cảm xúc tự hào của người yêu nước:

“Bao năm qua khói loạn phủ mịt mù
Người nước Việt ra đi vì nước Việt
Tha La vắng vì Tha La đã biết
Đau giống nòi đau đất nước làm than”

Tình yêu nước được đan cài trong cảm xúc tôn giáo qua hình ảnh những con chiên ra trận. Chiến trường và giáo đường là một cặp hình ảnh tương phản giữa chiến tranh và hoà bình, nhưng cũng là cặp hình ảnh mâu thuẫn xét trong ý nghĩa niềm tin. Tôn giáo luôn chống lại việc sát sinh, nhưng trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lăng, giết quân thù lại là việc làm đạo nghĩa. Ở một tầng nghĩa khác, Thiên Chúa giáo là một tôn giáo đến từ phương Tây, con chiên dẫu nặng lòng với Chúa vẫn đứng về phía đất nước mình trong cuộc chiến đấu chống lại những người đã mang Chúa đến với họ. Tuy vậy, cảm xúc tôn giáo và cảm xúc yêu nước không được đặt ở hai thế đối lập, mà hoà quyện vào nhau. Con chiên của Chúa, dẫu ở giữa chiến trường máu đổ, trước sau vẫn giữ tâm lòng lương thiện, và đó cũng là cái thiện vốn có của người dân Việt xưa nay.

“Lạy đức Thánh Cha
Lạy đức Thánh Mẹ

Lạy đức Thành Thần
Chúng con xin về cõi tục để làm dân.”

Với thể thơ tự do, bài thơ tuôn chảy mượt mà như một bản nhạc, lúc nhịp lúc khoan, lúc tư lự lúc dồn dập. Những câu thơ dài tả tình trải theo bước chân người viễn khách, tạo cảm giác thư thái, trong khi thủ pháp điệp âm, điệp cấu trúc ở những dòng thơ ngắn đã rất thành công trong việc tạo cảm giác dồn dập, sôi nổi.

“Tha La giận mùa thu
Tha La hận quốc thù
Tha La hờn quốc biển
Tha La buồn tiếng kiếm
Nào nùng chưa, Tha La nguyện hy sinh.”

Câu thơ dài buông xuống như một nốt lặng sau một đoạn nhạc hùng. Bài thơ viết về một chuyến đi với những chi tiết có tính chất kể chuyện, tả cảnh, sau thu dần vào thế giới nội tâm của nhân vật trữ tình với những đoạn đối thoại tưởng tượng giữa người viễn khách và vùng đất Tha La, sau đó lại mở ra ngoại cảnh với đoạn trò chuyện giữa viễn khách và một cụ già. Tác giả vẫn dùng nhiều từ Hán Việt và một số hình ảnh tượng trưng như “lửa loạn”, “tiếng địch”, “tiếng kiếm”, “viễn khách”, “chiều xưa lửa dấy”... nhưng so với hai bài thơ trước kia, *Tha La* đã tiến xa trong việc xây dựng một thế giới thơ tươi mới và sinh động. Bài thơ kết lại bằng thủ pháp vĩ thanh, lặp lại đoạn đầu với khung cảnh yên tĩnh của Tha La, nhưng thổi vào đó một cảm xúc khác, không quạnh quẽ, điều hiu mà thanh bình yên ả, mở ra ước vọng về ngày mai giặc giã không còn.

Nhìn chung, Vũ Anh Khanh sớm có một văn nghiệp thành công khi tuổi đời còn rất trẻ. Cuộc đời ngắn ngủi ấy không phải lúc nào cũng là một đường thẳng giản đơn để có thể đánh giá trong một vài câu chữ, nhưng không thể phủ nhận tình yêu nước trong toàn bộ tác phẩm của ông. Đó là thứ cảm xúc mạnh mẽ vượt lên trên tất cả, quyết định tất cả, nhưng cũng mềm mại, nên thơ như tình yêu đôi lứa. Về mặt nội dung, thế giới sáng tạo của ông, dù văn hay thơ, đều phân định rạch ròi thành hai mảng: những người chiến đấu vì tổ quốc và những kẻ mê muội, thờ ơ với vận mệnh non sông. Người vì nghĩa lớn hiện ra với vẻ đẹp kiêu hùng đáng ngưỡng mộ, nhưng cũng có khi rất bình dị, mộc mạc. Đối với kẻ thờ ơ, có khi ông lên án bằng những bức tranh hiện thực, nhưng cũng có khi chỉ gửi lời nhắn nhủ nhẹ nhàng nhưng tha thiết. Dù bằng cách này hay cách khác, ông vẫn không xa rời mục đích dùng văn chương làm vũ khí đấu tranh, hoàn thiện sứ mệnh của một nhà văn thời chiến. Về mặt nghệ thuật, tác phẩm Vũ Anh Khanh là sự kết hợp giữa yếu tố cổ điển và hình ảnh hiện thực của đời sống và thời đại, tạo nên một không khí vừa sinh động quen thuộc với độc giả đương thời lại vừa hào hùng xa vắng, tuy đôi lúc không tránh được cảm giác sáo mòn vốn là đặc điểm chung của nhiều tác giả văn học miền Nam thời kỳ này. Góp thêm một tiếng nói có sức thuyết phục và có giá trị thẩm mỹ, những tác phẩm của Vũ Anh Khanh đã có chỗ đứng nhất định và bền vững trong lòng công chúng nhiều thập niên qua.

NTPT

Chú thích

- [1] Theo Thế Phong, (2009), “Tạ Thành Kinh và nàng T.T.Kh”, <http://newvietart.com/index275.html>
- [2] Theo Viên Linh, (2010), “Bến Hải, dòng sông vĩnh biệt của nhà thơ Vũ Anh Khanh”, <http://namkyluctinh.org/a-vantho/vantho.html>
- [3] Thâm Thệ Hà, (1992), “Hồi ký tiếp viết về Vũ Anh Khanh”, *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, (47), tr.20.
- [4] Theo Viên Linh, tldd
- [5] Thâm Thệ Hà, (1992), “Hồi ký tiếp viết về Vũ Anh Khanh”, *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, (47), tr.20
- [6] Nguyễn Văn Sâm, *Văn chương tranh đấu miền Nam*, Nxb. Kỹ Nguyên, Sài Gòn, 1969, tr.97
- [7] Nguyễn Văn Sâm, sdd, tr.98
- [8] Thời trước những nhà văn cho rằng truyện ngắn là truyện ngắn còn truyện dài là tiểu thuyết, chữ truyện dài lúc đó chưa có. (NKLT chú thích)
- [9] Thế Phong, *Lược sử văn nghệ Việt Nam—Phần B: Nhà văn miền Nam 1945-1950*, <http://newvietart.com/index4.287.html>

Tài liệu tham khảo

1. La Ngạc Thuy, (2009), “Về bài thơ *Tha La xóm đạo* của Vũ Anh Khanh”, <http://ngacthuy.vnweblogs.com/post/7686/137303>
2. Nguyễn Q. Thắng, (1999), *Từ điển tác gia Việt Nam*, Nxb. Văn hoá, Tp. HCM.
3. Nguyễn Văn Sâm, (1969), *Văn chương tranh đấu miền Nam*, Nxb. Kỹ Nguyên, Sài Gòn.
4. Nguyễn Vy Khanh, (2004), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX: Một số hiện tượng và thể loại*, Nxb. Đại Nam, Glendale CA.
5. Thâm Thệ Hà, (1992), “Hồi ký tiếp viết về Vũ Anh Khanh”, *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, (47), tr.20.
6. Thế Phong, *Lược sử văn nghệ Việt Nam—Phần B: Nhà văn miền Nam 1945-1950*, <http://newvietart.com/index4.287.html>
7. Thế Phong, (2009), “Tạ Thành Kinh và nàng T.T.Kh”, <http://newvietart.com/index275.html>
8. Trần Tuấn Kiệt, (1967), *Thi ca Việt Nam hiện đại (1880-1965)*, Khai Trí, Sài Gòn.
9. Xuân Vũ, (2001), “Người chết không mồ”, *Văn hoá Việt Nam* (14), Houston, Hoa Kỳ.
10. Viên Linh, (2010), “Bến Hải, dòng sông vĩnh biệt của nhà thơ Vũ Anh Khanh”, <http://namkyluctinh.org/a-vantho/vantho.html>